

THERAVĀDA

LUẬT TẬP YẾU
KHUDDASIKKHĀ

GIẢNG SƯ
SAYADAW U KUNḌADHĀNA

BHIKKHU PAVARADHAMMIKA
PHIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH

BUỔI 7

DIỆU NHÃN CHUYỂN DỊCH
NGUYỄN NHƯ TRÌNH BÀY

Tuần trước thì chúng ta đã bắt đầu học đến giới Saṅghādisesa - Giới tăng tàng. Hôm nay Sayadaw sẽ giảng lại cho chúng ta về giới Saṅghādisesa - Giới tăng tàng thứ hai.

GIỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA) THỨ HAI - XÚC CHẠM VÀO CƠ THỂ NGƯỜI NỮ

20.

Itthisaññī manussitthim,

kāyasamsaggarāgavā;

Samphusanto upakkamma, samaṇo garukaṃ phuse.

Five factors for 2nd SAṄGHĀDISESA: Năm chi để phạm vào tội Saṅghādisesa - Giới tăng tàng thứ hai.

1. **Itthisaññī = *knowing as woman*:** Biết là nữ.
2. **Manussitthim = *put on human being woman*:** Xúc chạm vào nữ nhân, ngay kể cả bé gái vừa mới sinh trong ngày hôm nay cũng được tính.

GÍỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA)
THỨ NHÌ: XÚC CHẠM CƠ THỂ VỚI
NGƯỜI NỮ.

CÓ 5 CHI

Itthisaññī = knowing as woman: Biết là nữ

Manussitthim = put on human being woman: Xúc chạm vào người nữ.

Kāya+samsagga+rāgavā = has bodily contact-lust: Thân xúc chạm với cái tâm dục vọng.

upakkamma = until touching with effort: Xúc chạm với sự gắng sức.

Samphusanto = touch hand etc: Ví dụ như xúc chạm vào tay của người nữ hoặc bất kỳ thân phần nào của người nữ..v.v, kể cả là tóc của người nữ.

3. **Kāya+samsagga+rāgavā** = *has bodily contact-lust*: Thân xúc chạm do có tâm dục vọng.

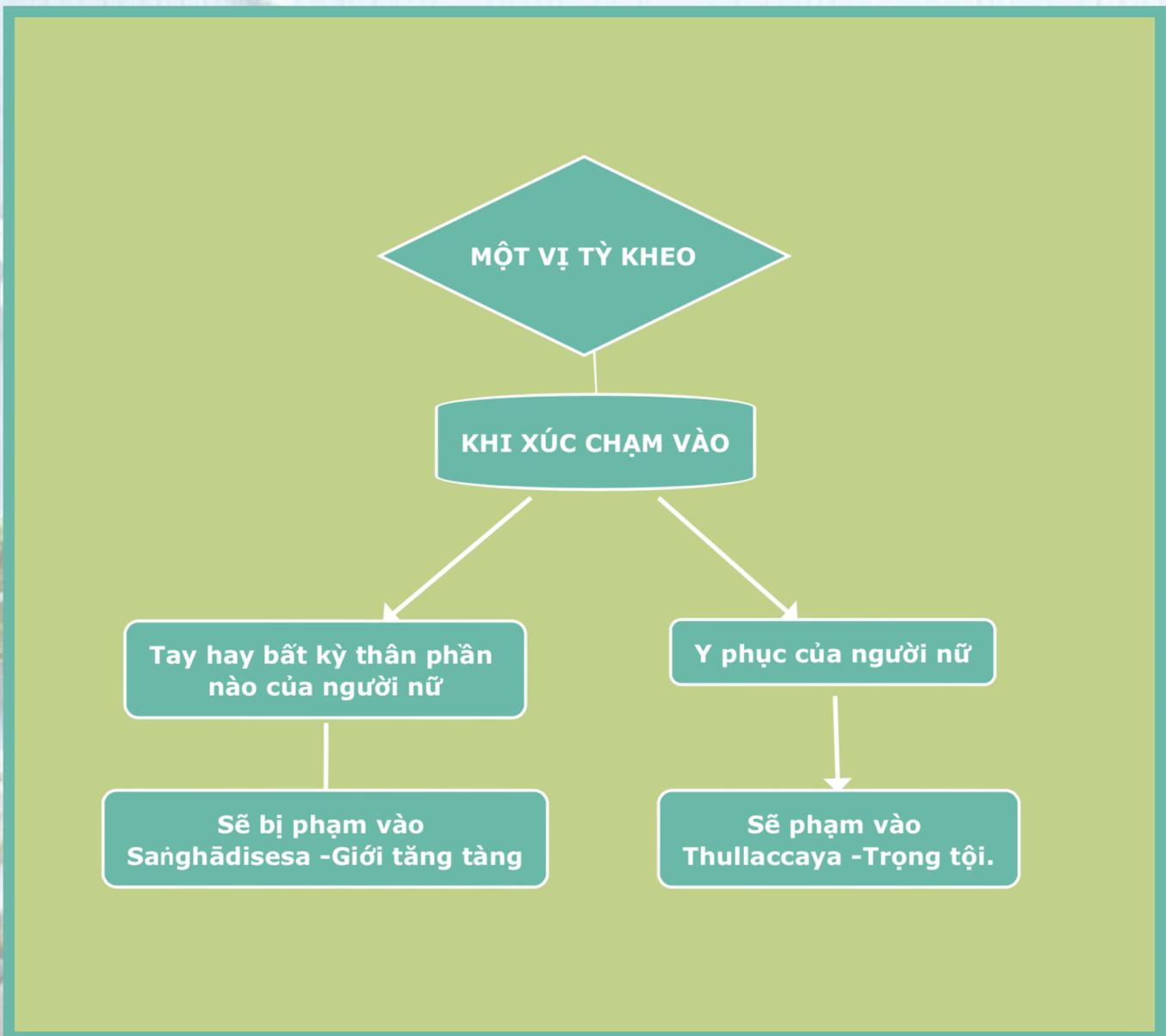
4. **upakkamma** = *until touching with effort*: Xúc chạm với sự gắng sức.

5. **Samphusanto** = *touch hand etc*: Xúc chạm bằng tay hay bất kỳ thân phần nào. Trường hợp này là đối với việc xúc chạm trực tiếp vào da, còn nếu xúc chạm với những thứ đồ mà người nữ đang mặc trên người thì không phạm vào Saṅghādisesa - Giới tăng tàng mà sẽ phạm vào Thullaccaya - Trọng tội.

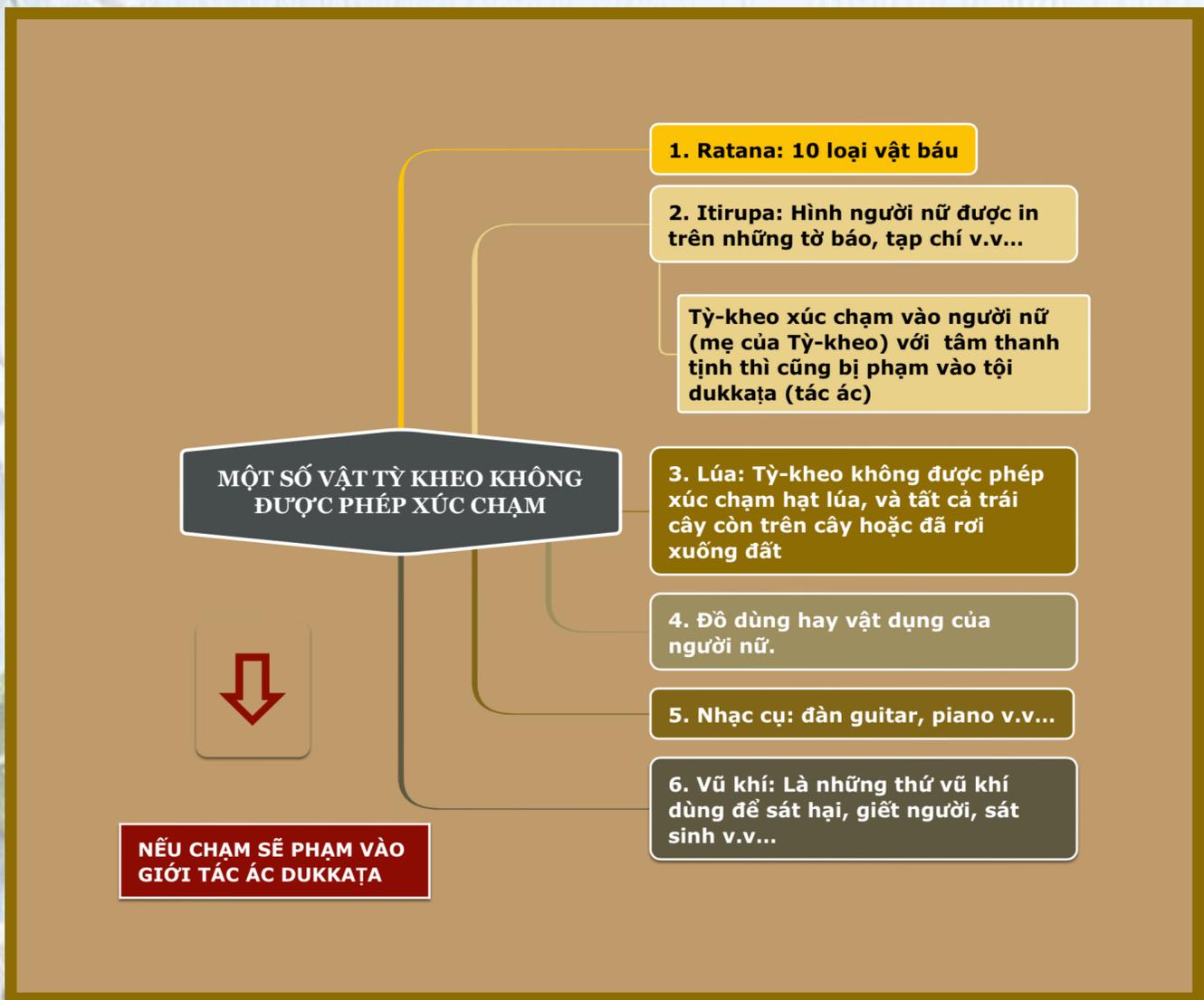
Như vậy thì các vị Tỳ-kheo khi đi lên xe bus hoặc máy bay phải hết sức cẩn thận để không xúc chạm vào người nữ, ngay cả đồ trang sức hay vải (quần áo) của họ. Khi vị Tỳ-kheo xúc chạm vào tay hay bất kỳ thân phần nào của người nữ thì sẽ bị phạm vào Saṅghādisesa - Giới tăng tàng. Còn nếu vị Tỳ-kheo xúc chạm vào y phục của họ thì sẽ phạm vào Thullaccaya - Trọng tội.

Đối với trường hợp một người nữ đang treo quần áo ở một nơi nào đó mà vị Tỳ-kheo biết đây là trang phục của người nữ thì cũng không được phép xúc chạm. Nếu vị Tỳ-kheo biết nhưng vẫn

xúc chạm vào trang phục của người nữ thì sẽ phạm vào dukkata - Tác ác. Chính vì vậy mà vị Tỳ-kheo không được phép xúc chạm vào trang sức hay trang phục của người nữ, trừ trường hợp được họ cúng dường.



Trong giới này sẽ có một số vật mà vị Tỳ-kheo không được phép xúc chạm. Bây giờ Ngài Sayadaw sẽ giảng thêm cho chúng ta.



1. **Ratana:** 10 loại vật báu mà vị Tỳ-kheo không được phép xúc chạm. Trong những vật báu này sẽ bao gồm: vàng, bạc, tiền... Ngay

cả bức tượng Phật bằng vàng thì vị Tỳ-kheo cũng không được phép di chuyển, trừ khi có tác ý là lau chùi tượng Phật thì được. Trong trường hợp những đồ trang sức hay vàng bạc cúng dường tới bảo tháp thờ Phật thì những vị Tỳ-kheo làm nhiệm vụ nơi bảo tháp đó được phép di chuyển. Thêm một trường hợp ngoại lệ nữa đó là: Đối với những cốc, liêu hoặc những đồ nội thất bên trong cốc đáy được làm bằng vàng bạc thì được phép xúc chạm. Nghĩa là những cốc liêu hoặc đồ dùng nội thất ở bên trong cốc này được làm bằng vàng bạc, thì đây là những đồ thuộc về Chư Tăng. Vì vậy nếu thí chủ cúng dường những cốc liêu hay đồ nội thất bằng vàng thì Tỳ-kheo được phép nhận.

2. **Itirupa:** Hình người nữ được in trên những tờ báo, tạp chí v.v..., thì Tỳ-kheo không được phép xúc chạm. Những vị Tỳ-kheo khi đi máy bay có thể thấy rất nhiều quyển tạp chí có in hình ảnh người nữ ở trên đó, do vậy Tỳ-kheo phải hết sức cẩn thận khi đọc và

tránh sờ chạm vào những tờ tạp chí có ảnh của người nữ.

Trong trường hợp đối với những đồ của chư tăng ví dụ như: kem đánh răng, hộp thuốc có in hình người nữ ở trong đó. Vậy làm thế nào có thể dùng được? Trường hợp này thì vị Tỳ-kheo phải dùng những cây bút để xóa, hoặc tô màu đè lên làm cho mất đi ảnh của người nữ thì khi ấy sẽ được phép dùng và xúc chạm.

3. **Lúa:** Tỳ-kheo không được phép xúc chạm vào hạt lúa. Trong trường hợp Tỳ-kheo đi khát thực và đi ngang qua những cánh đồng lúa thì phải hết sức cẩn thận để không xúc chạm vào lúa. Nếu trường hợp là một cư sĩ (dayaka) chuẩn bị chỗ ngồi, trải tọa cụ cho vị Tỳ-kheo ngồi ở cánh đồng lúa thì vị Tỳ-kheo được phép ngồi, bởi vì đây đã là sự chuẩn bị của cư sĩ .

Tương tự như lúa, đối với những trái cây còn đang ở trên cây thì Tỳ-kheo cũng không được phép xúc chạm. Ví dụ như trái dừa. Ngay cả

khi trái cây rụng xuống đất rồi thì vị Tỳ-kheo cũng không được phép chạm vào trái cây đó. Trường hợp ngoại lệ là nếu vị Tỳ-kheo nhặt trái cây này cho kappiya của vị đó thì được phép. Đối với trường hợp cho bản thân của vị Tỳ-kheo thì không được phép xúc chạm bất cứ trái cây nào khi chưa được cúng dường.

4. Đồ dùng hay vật dụng của người nữ.

5. **Nhạc cụ:** đàn guitar, piano v.v.. Khi ai đó cúng dường nhạc cụ đến cho vị Tỳ-kheo thì vị ấy không được phép xúc chạm vào. Nếu muốn xúc chạm vào nhạc cụ thì trước hết vị ấy phải phá hủy nó và chỉ giữ lại những gì có thể sử dụng được thôi.

6. **Vũ khí:** Là những thứ vũ khí dùng để sát hại, giết người, sát sinh v.v...

Ngay cả nếu vị Tỳ-kheo xúc chạm vào người nữ (mẹ của mình) với tâm thanh tịnh thì cũng bị phạm vào tội dukkaṭa (tác ác).

**Ratanaṃ nāma muttā maṇi
veḷuriyo saṅkha silā pavālaṃ
rajataṃ jātarūpaṃ lohitaṅko
lohitaṅko masāragallaṃ.**

**RATANA
10 LOẠI VẬT BÁU**

1. Muttā: Pearl - Ngọc trai

2. Maṇi: Mani gem - Ngọc maṇi

**3. Veḷutiyo: Lapis lazuli precious stone - Đá
xanh da trời**

4. Saṅkha: Conch shell - Vỏ ốc xà cừ

5. Silā: Jade stone - Đá cẩm thạch

6. Pavālaṃ: Coral - San hô

7. Rajataṃ: Silver - Bạc

8. Jātarūpaṃ: Gold - Vàng

9. Lohitaṅko: Red Roby - Hồng ngọc

**10. Masāragallaṃ: Cat's eye precious stone
- Đá quý, Đá mắt mèo, Kim cương**

GHI CHÚ

Tiền

Thẻ tín dụng,

Thẻ nhà băng,

Tất cả các hình thức
thanh toán và giao dịch
bằng điện tử
đều tương tự
VÀNG và BẠC.

**Vị Tỷ Kheo xúc chạm
những vật này thì phạm
tội tác ác (Dukkata)**

NOTED

Cash
Credit card,
Bank card,
All forms of money
transactions
Are similar to GOLD
and SILVER.

**A Bhikkhu who touch
those things is committed
a Dukkaṭa Offence.**

GIỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA) THỨ BA - NÓI LỜI DÂM DỤC VỚI NGƯỜI NỮ

21.

**Tathā suṇantiṃ viññuñca, maggaṃ vārabba
methunaṃ;**

Duṭṭhullavācārāgena, obhāsetvā garuṃ phuse.

Tathā: Là nói về cái trước, bao gồm:

(Itthisaññī) = *having woman perception*: Có tưởng về người nữ và **(Manussitthiṃ)** = *a human being woman*: Là người nữ (nhân loại) chứ không phải là nữ chư thiên, nữ rồng (nữ long)...

suṇantiṃ = *who can hear*: Người nữ có thể nghe. Trong trường hợp này là chỉ cho sự nghe, còn nếu viết ra thì sẽ không tính. Nếu xa quá thì giới này không có khả năng (bởi vì xa quá thì không thể nghe được). Nhưng ở đây là trong cự ly gần thì có thể nghe được.

**GIỚI TẦNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA)
THỨ BA: NÓI LỜI DÂM DỤC VỚI
NGƯỜI NỮ**

CÓ 5 CHI

**1. Itthisaññī = knowing as
woman: Biết là nữ.**

**2. Manussitthim = human
being woman: Có cái tướng
là người nữ.**

**3. Duṭṭhullavācārāgena =
with lust enjoying in inferior
talk: Với sự thích thú dục
vọng trong lời nói thấp hèn.**

**4. Obhāsetvā = having told
rudely: Những lời nói thô tục.**

**5. Viññuñca = understand at
once: Người nữ có thể hiểu.
Nếu nói xong mà một hoặc
hai ngày sau họ mới hiểu thì
sẽ không phạm.**

viññuñca = *who can understand*: Người nữ có thể hiểu được.

maggam vā = *vacca-magga or passāva-magga*: Vị Tỷ-kheo nói về đường tiêu hay đường tiểu với cái tâm ái dục và lời nói thô tục.

(ā)rabbha methunam = *sexual intercourse*: Sự quan hệ tình dục.

Duṭṭhullavācārāgena = *by lust enjoying in inferior talk*: Lúc này thì vị Tỷ-kheo đang có dục vọng, thích thú trong những lời nói thấp hèn. Tức là lúc đó vị Tỷ-kheo không muốn quan hệ tình dục nhưng vị ấy chỉ muốn nói để thỏa mãn thôi.

obhāsetvā = *having told rudely*: Nói thô tục. Lời thô tục ở đây có nghĩa là vị Tỷ-kheo tán thán và nói với người nữ hãy phục vụ vị đó, hãy cho vị đó quan hệ tình dục. Hoặc là vị Tỷ-kheo nói với người nữ về đường tiêu, đường tiểu của mình là đẹp và tốt lắm, hoặc nhiều lúc thì lại chê bai nó xấu xí và không đẹp v.v..., đại loại là những câu từ như vậy.

garuṃ phuse = *reach Saṃghādisesa āpatti*: Dẫn đến tội tăng tàng.

Five factors for 3rd Saṃghādisesa: Năm chi đề cấu thành tội tăng tàng thứ ba.

Beginner is Ven. Udāyī: Vị Tỳ-kheo đầu tiên phạm vào tội tăng tàng thứ ba này chính là đại đức Udāyī (cũng là người phạm tội trước). Đại đức Udāyī rất là nổi tiếng trong tạng luật Vinaya Piṭaka. Vị này lúc nào cũng đi lang thang từ nhà này sang nhà khác nhưng vị ấy là người rất thông minh.

Năm chi đề cấu thành tội tăng tàng thứ ba như sau:

1. **Itthisaññī = *knowing as woman*:** Biết là nữ.
2. **Manussitthiṃ = *human being woman*:** Có cái tướng là người nữ.

3. **Duṭṭhullavācārāgena** = *with lust enjoying in inferior talk*: Với sự thích thú dục vọng trong lời nói thấp hèn.
4. **Obhāsetvā** = *having told rudely*: Những lời nói thô tục.
5. **Viññuñca** = *understand at once*: Người nữ có thể hiểu. Nếu nói xong mà một hoặc hai ngày sau họ mới hiểu thì sẽ không phạm.

GIỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA) THỨ TƯ - CA NGỢI SỰ HẦU HẠ TÌNH DỤC CHO BẢN THÂN VỚI NGƯỜI NỮ

22.

**Vatvāttakāmupaṭṭhāna-vaṇṇaṃ
methunarāgino;**

Vācā methunayuttena, garuṃ methunayācane.

Giới tăng tàng thứ tư thì lại nói về cái dục vọng khác nữa.

GIỚI TẦNG (SAṄGHĀDISESA) THỨ TƯ:
CA NGỢI SỰ HẬU HẠ TÌNH DỤC CHO BẢN
THÂN VỚI NGƯỜI NỮ.

CÓ 5 CHI

1. Itthisaññī = knowing as woman: Biết là nữ. Vị Ty-kheo đòi hỏi sự quan hệ tình dục từ người nữ.

2. Manussitthiṃ = human being woman who can understand: Người nữ (nữ nhân), người mà có thể hiểu được.

3. Attakāmapāricariyāya rāgo = sexual intercourse-lust for self-enjoyment: Dục vọng cho sự thoả mãn của chính bản thân vị đó.

4. Methunayācana vatvā vaṇṇaṃ = begging sexual intercourse having told benefit of an offering with sexual intercourse: Đòi hỏi sự phục vụ tình dục, nói về sự lợi ích của việc cúng dường sự quan hệ tình dục.

5. Viññuṃ = she understands: Cô ấy hiểu.

Vatvā = *having told*: Đã nói.

(a)ttakāmupaṭṭhāna-vaṇṇaṃ = *for self-enjoyment, benefit of an offering with sexual intercourse*: Nghĩa câu này là: “Cho sự hưởng dục bản thân và tán thán lợi ích của việc quan hệ tình dục lứa đôi”.

methunarāgino = *of bhikkhu who has sexual intercourse-lust*: Vị Tỳ-kheo có dục vọng về sự quan hệ tình dục.

Vācā(ya) = *by speech*: Bằng lời nói.

methunayuttena = *regarding sexual intercourse*: Nói về sự quan hệ tình dục.

garuṃ (garu hoti) = *Saṅghādisesa āpatti becomes*: Cấu thành tội tăng tàng.

Methunayācane = *because of begging sexual intercourse*: Vị Tỳ-kheo xin sự hầu hạ tình dục.

Giới tăng tòng thứ tư này nói về việc: “Xin hầu hạ tình dục”. Giới tăng tòng thứ ba cũng nói về cái dục, nhưng cái dục của giới trước và cái dục của giới này là khác nhau. Trong đây là nói về xin hầu hạ tình dục.

Beginner is Ven. Udāyī: Vị phạm tội này đầu tiên lại là Đại Đức Udāyī.

5 factors for 4th Saṅghādisesa: Năm chi để cấu thành tội của giới tăng tòng thứ tư.

1. **Itthisaññī = *knowing as woman***: Biết là nữ. Vị Ty-kheo đòi hỏi sự quan hệ tình dục từ người nữ.
2. **Manussitthim = *human being woman who can understand***: Người nữ (nữ nhân), người mà có thể hiểu được.
3. **Attakāmapāricariyāya rāgo = *sexual intercourse-lust for self-enjoyment***: Dục vọng cho sự thoả mãn của chính bản thân vị đó.

4. **Methunayācana vatvā vaṇṇaṃ** = *begging sexual intercourse having told benefit of an offering with sexual intercourse*: Đòi hỏi sự phục vụ tình dục, nói về sự lợi ích của việc cúng dường sự quan hệ tình dục.

5. **Viññuṃ** = *she understands*: Cô ấy hiểu.

Trong giới tăng tòng này thì vị Tỳ-kheo đầu tiên cũng là đại đức Udāyī, vị này rất là nổi tiếng. Đại đức Udāyī này cứ đi khắp từ nhà này qua nhà khác và vị đó quen biết rất là nhiều nhà thí chủ. Một hôm thì đại đức Udāyī này đã đến thăm và vào nhà của một bà thí chủ quá phụ. Vị Udāyī này thuyết pháp rất hay nên sau khi thuyết một thời pháp thì tâm bà rất là hoan hỷ và muốn cúng dường tứ vật dụng đến cho đại đức Udāyī. Khi đó bà đã nói với đại đức Udāyī rằng:

“Kính bạch bhante, ngài cần bốn vật dụng nào trong tứ vật dụng thì xin hãy nói cho con biết, con sẽ cúng dường cho ngài”.

- Khi đó đại đức Udāyī này trả lời rằng: Các vị Tỳ-kheo thì rất là dễ dàng để có được tứ vật dụng, nhưng có một vật dụng khác rất là khó kiếm.

Bà lại hỏi: “Thưa ngài, vật dụng đó là vật dụng gì mà lại khó kiếm?”.

- Đại đức Udāyī trả lời: “Đó là sự dâng hiến tình dục”.

Bà ấy lại hỏi: “Thế là đại đức muốn thứ đó hay sao?”.

- Đại đức Udāyī đã trả lời: “Đúng vậy, tôi muốn sự dâng hiến, sự quan hệ tình dục”.

Thế là bà nữ thí chủ này đã đi vào trong phòng và đại đức Udāyī cũng đi theo. Sau đó thì bà đã leo lên giường và cởi hết tất cả quần áo ra vì muốn phục vụ tình dục cho đại đức Udāyī. Nhưng sau khi theo bà ấy vào trong phòng và nhìn thấy hết thì đại đức Udāyī này đã chê bai rằng: “Ai mà có thể động vào những thứ dơ dáy bẩn thỉu như

vậy”. Vị ấy chê bai và nói những lời thô tục với bà ấy rồi bỏ về.

Tại thời điểm đó thì giới pārajika - bất cộng trụ thứ nhất là quan hệ tình dục và giới tăng tàng là xúc chạm vào người nữ cũng đã được đặt ra. Chính vì đại đức Udāyī này rất thông minh, vị ấy hiểu về giới luật nên đã không làm hai điều này. Bởi vì nếu quan hệ tình dục thì sẽ phạm vào tội bất cộng trụ thứ nhất, còn nếu xúc chạm vào người nữ thì sẽ phạm vào tội Saṃghādisesa - tăng tàng. Chính vì thế vị Udāyī này đã không làm cả hai điều trên mà chỉ nói thôi.

Sau đó thì tin tức này đã được lan ra và rất nhiều người biết được đại đức Udāyī đã cầu mong sự dâng hiến tình dục. Chính vì thế Đức Phật đã cho gọi mọi người và đại đức Udāyī tới và hỏi: “Có đúng như thế không?”. Vị ấy đã trả lời: “Dạ, thưa đúng là như vậy”. Và thế là Đức Phật đã đặt ra giới Saṃghādisesa - tăng tàng thứ tư.

GIỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA) THỨ NĂM - TIỀN HÀNH VIỆC MAI MỐI

23.

**Paṭiggahetvā sandesaṃ, itthiyā purisassa vā;
Vīmaṃsitvā hamaṃ paccā, samaṇo garukaṃ
phuse.**

Giới tăng tàng thứ năm là mai mối, có nghĩa là Vị Tỳ-kheo mai mối cho hai người nam và nữ đến với nhau.

Beginner is Ven. Udāyī: Vị Tỳ-kheo phạm tội này đầu tiên rất là nổi tiếng, không ai khác lại chính là đại đức Udāyī.

Vị này đi hết nhà này đến nhà khác chính vì thế vị ấy biết rất là nhiều. Vị ấy biết được hết thông tin là nhà nào có con trai, nhà nào có con gái, đã có vợ chưa, đã có chồng chưa...v.v. Khi vào nhà có người con gái thì vị ấy tán thán nhà kia có người con trai tốt. Còn khi đến nhà nào có con trai chưa có vợ thì đại đức Udāyī này lại tán thán nhà kia có một người con gái rất tốt, rất là xinh đẹp. Thế

là gia đình có người con gái đã nói với đại đức Udāyī rằng: “Gia đình chúng con muốn người con trai kia”. Và gia đình có người con trai cũng nói với đại đức Udāyī rằng: “Gia đình chúng con muốn cưới người con gái kia về làm vợ cho con trai chúng con”. Khi đại đức Udāyī đã chấp nhận thông tin mai mối này thì vị đó có đi tìm hiểu và sau đó đưa tin. Sau khi đã đưa tin thì có một số trường hợp là người nam và người nữ đã đến được với nhau. Do nhờ sự mai mối của đại đức Udāyī nên đã có rất nhiều cặp nam nữ đã thành đôi và sống hạnh phúc với nhau. Có một số cô gái rất hạnh phúc và bình yên khi được ở nhà mẹ chồng đối xử đàng hoàng. Nhưng có một số nàng dâu không được may mắn như vậy khi họ bị gả cho những gia đình không tốt. Cho nên một số cô gái ở nhà mẹ chồng được hạnh phúc và yên bình thì họ rất cảm ơn đại đức Udāyī. Trái ngược lại thì những cô gái bị gả cho những gia đình có những người mẹ chồng khó tính thì họ phải chịu rất nhiều đau khổ và họ đã phàn nàn chê trách đại đức Udāyī.

Trong thời Đức Phật có câu chuyện như sau:

Có một đám người rủ nhau đến một nơi để uống rượu và họ nói với nhau rằng: “Làm sao có thể thuê một cô kỹ nữ đến để phục vụ cho chúng ta đây”. Bởi vì cô kỹ nữ ấy không quen biết chúng ta nên rất khó để mời. Lúc ấy thì có một người trong đám bọn họ đã nói rằng: “Chúng ta có thể nhờ đại đức Udāyī mời cô kỹ nữ này đến cho chúng ta được”. Khi đó thì có một vị cận sự nam đã nói rằng: “Các vị Tỳ-kheo thì không được phép làm như vậy đâu”. Thế nhưng một người trong số họ đã nói rằng: “Không đâu, đại đức Udāyī rất là thông minh nên vị ấy sẽ biết cách làm như thế nào”. Sau đó thì đám người họ đã tìm đến đại đức Udāyī và nói đại đức hãy mời cô kỹ nữ ấy đến cho họ. Đại đức Udāyī đã nhận lời và tìm đến chỗ cô kỹ nữ nhưng cô ấy nói rằng: “Thưa đại đức, con có rất nhiều đồ trang sức quý giá và bởi vì con không biết những người họ là ai nên con không thể đi được”. Đại đức Udāyī đã trả lời cô kỹ nữ: “Tôi biết những người này nên cô cứ yên tâm mà đi đi”. Thế là cô kỹ nữ đã đến gặp những người uống rượu. Lúc ấy thì vị cận sự nam đã thấy được việc làm của đại đức Udāyī và sự việc

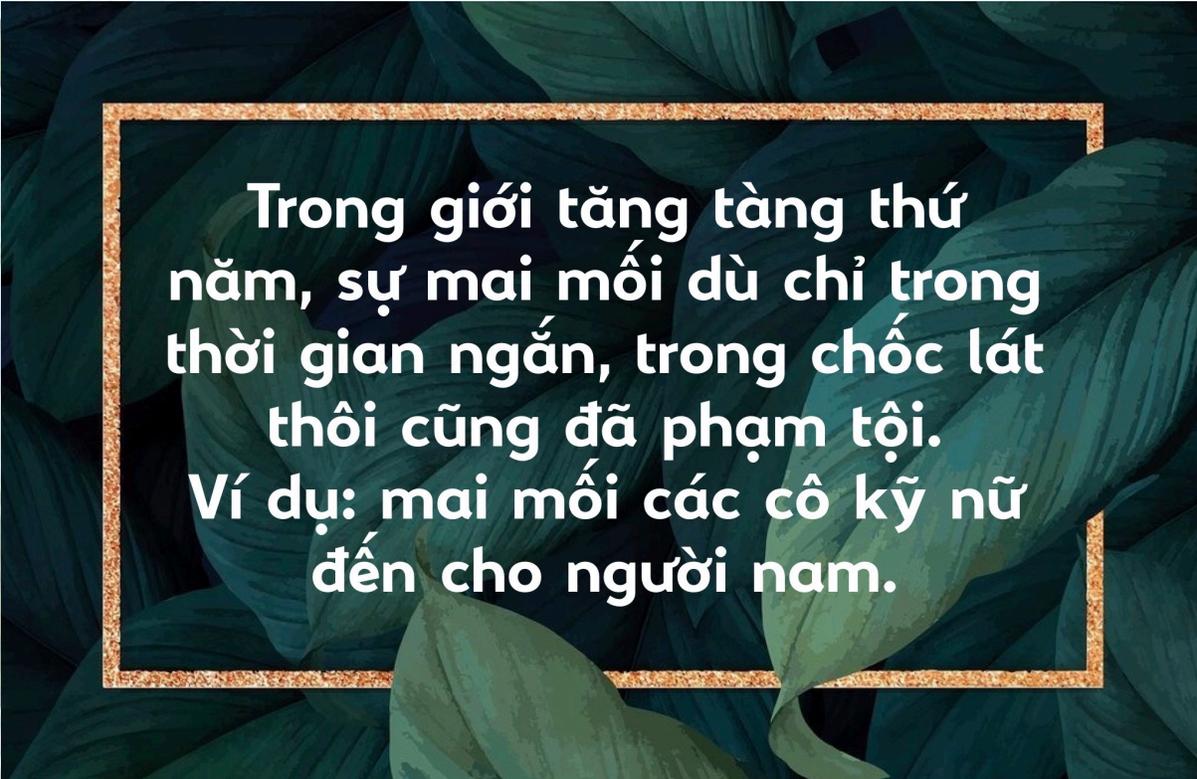
này cũng đã đến tai Đức Phật. Khi Đức Phật biết được thì Ngài đã cho gọi đại đức Udāyī đến.

Trong Khuddasikkhā:

Năm chi để cấu thành tội tăng tàng thứ năm:

Paṭiggahetvā = *having received; having accepted*: Nhận, chấp nhận.

Trong giới tăng tàng thứ năm thì sự mai mối dù chỉ trong thời gian ngắn, trong chốc lát thôi cũng đã phạm tội.



Trong giới tăng tàng thứ năm, sự mai mối dù chỉ trong thời gian ngắn, trong chốc lát thôi cũng đã phạm tội. Ví dụ: mai mối các cô kỹ nữ đến cho người nam.

sandesam = *a message, letter/speech*: Nhắn tin, đưa thư, chuyển lời (whatsapp, viber, zalo...) đều bị phạm tội.

itthiyā = *woman's*: Tin nhắn, lời nói của người nữ.

purisassa vā = *or man's*: Hoặc tin nhắn, lời nói của người nam.

Vīmaṃsitvā = *having investigated*: Sau khi đã nhận được thông tin thì vị Tỳ-kheo đến tìm hiểu, dò hỏi, xem xét v.v.. Từ này còn có một nghĩa khác nữa đó là làm theo lời họ nói, làm theo sự chỉ đạo.

Ở Miền Điện thì khi nhà trai muốn đi hỏi vợ phải mất rất nhiều tiền, khoảng 10 ngàn đô la Mỹ gọi là sính lễ cho nhà gái. Sự mai mối thì là miễn phí rồi, do vậy nếu vị Tỳ-kheo mai mối thì chẳng nhận được cái gì cả. Đối với Tỳ-kheo mà khi mai mối như vậy thì có lẽ là nhận được một bộ y chẳng? Bởi vì sau khi mai mối cho họ thành công

rồi thì chắc là họ sẽ cúng dường cho một bộ y. Ở Miến Điện hay ở Dawei – quê của Sayadaw thì bên nhà gái sẽ nhận được tiền sính lễ. Nhưng ở Ấn Độ thì lại ngược lại, người nữ phải trao tiền sính lễ cho nhà trai. Chính vì thế mà những người cha có con gái ở Ấn Độ rất khổ, họ phải làm việc rất vất vả kiếm tiền trả sính lễ cho gia đình nhà trai để con gái của mình được lấy chồng. Sayadaw có nghe câu chuyện ở Ấn Độ đó là: Người cha rất là từ tâm, rất là thương con gái. Vì muốn con gái có chồng nên khi còn sống người cha phải bán thận (bán nội tạng) để có tiền cho con gái lấy được chồng.

Họ nói rằng người nữ như là món vật để bán, vì là để bán nên phải rất là đẹp phải vậy không? Chính bởi vì sự vô minh (avijjā) nên mới có tham ái (taṇhā) và dục (ragā) sanh khởi. Bởi vì có cái vui là do vô minh che đậy, và rồi tham ái (taṇhā) và dục (ragā) khởi lên. Chính vì thế mà người nam mới thấy người nữ là đẹp. Và bởi vì thích cái đẹp nên họ đã bỏ ra rất nhiều tiền.

**GIỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA)
THỨ NĂM: TIẾN HÀNH VIỆC MAI
MỐI.**

CÓ 5 CHI

1. Manussa-jātikatā = woman and man are human being: Cả người nam hay người nữ mà vị Tỳ-kheo làm mai mối phải là loài người chứ không phải chư thiên.

2. Na nāmaṃvacaniyatā = they are joinable: Người nam và nữ này có thể mai mối.

3. Paṭiggaṇhāti = received/accepte: Nhận. chấp nhận sự thỉnh cầu của họ.

4. Vīmaṃsati = investigated: Vị Tỳ-kheo có sự tìm hỏi, suy xét.

5. Paccāharati = reply message: Vị Tỳ-kheo đem tin trả lời.

Vīmaṃsitvā: Sự tìm hỏi ở đây có nghĩa là: Ví dụ vị Tỳ-kheo đến nhà người nam và nhà người nam nói rằng tôi sẽ tặng cho nhà người nữ 10 ngàn đô để có được cô con dâu. Sau đó vị Tỳ-kheo sẽ đi truyền lời đến nhà người nữ và nói rằng nhà người nam sẽ trao sính lễ cho nhà nữ với số tiền như vậy. Đây chỉ là sự tìm hỏi và suy xét. Nhưng trong trường hợp đến nhà người nữ mà nhà họ nói rằng: Không! Với 10 ngàn đô thì ít quá, phải 20 ngàn đô mới được. Sau đó thì vị Tỳ-kheo này quay trở về báo lại cho gia đình người nam để bàn bạc và mặc cả thêm về giá.

haraṃ paccā (paccāharanto) = *who reply message*: Người đem tin trả lời. Ví dụ: Sau khi đã tìm hiểu, thăm hỏi xong thì vị Tỳ-kheo quay trở lại để trả lời với gia đình người nữ là đồng ý hay không đồng ý. Ngược lại, trong trường hợp gia đình người nữ thỉnh vị Tỳ-kheo đi làm mai mối thì cũng tương tự như vậy.

samaṇo = *bhikkhu*: Tỳ-kheo.

garukam phuse = reach Saṅghādisesa āpatti:
Dẫn đến tội tăng tàng

Theo lời giải thích ở đây thì thời Đức Phật cả hai bên nam, nữ đều có thể được đi hỏi vợ, đi hỏi chồng. Sau khi vị Tỳ-kheo đã đem tin cho cặp đôi nam và nữ này và họ có lấy được nhau hay không cũng không thành vấn đề, nhưng vị Tỳ-kheo đã phạm vào tội tăng tàng.

5 factors for joiner, 5th Saṅghādisesa: Năm chi hội đủ để cấu thành tội của giới tăng tàng thứ năm.

1. **Manussa-jātikatā = woman and man are human being:** Cả người nam hay người nữ mà vị Tỳ-kheo làm mai mối phải là loài người chứ không phải chư thiên. Nếu mà vị Tỳ-kheo mai mối cho loài rồng (naga) hay chư thiên (deva) và họ lấy nhau thì vị Tỳ-kheo sẽ không phạm vào tội tăng tàng.

2. **Na nālamvacanīyatā = they are joinable:** Người nam và nữ này có thể mai mối. Nghĩa

là người nam và nữ này phải còn đang độc thân, chưa lập gia đình, đã ly dị hoặc một trong hai người họ có vợ/chồng đã mất. Trong trường hợp cha mẹ họ cãi nhau, giận nhau hoặc chia tay tạm thời thì không phạm mai mối, bởi vì trên thực tế họ vẫn đang là vợ chồng hợp pháp. Nếu cha mẹ vị Tỳ-kheo đang cãi nhau, tạm thời không sống chung với nhau mà vị Tỳ-kheo tới nói với cha mẹ là: cha mẹ hãy về sống chung lại với nhau, hãy hòa hợp lại với nhau. Trường hợp này vị Tỳ-kheo sẽ không phạm vào tội tăng tàng bởi vì trên giấy tờ thì cha mẹ họ vẫn chưa ly hôn. Do vậy chi thứ hai này là người nam và nữ phải là những người có thể mai mối. Ngay cả sự mai mối cho họ thành vợ chồng trong một chốc lát thì cũng phạm.

3. **Paṭiggaṇhāti** = *received/accepted*: Nhận, chấp nhận sự thỉnh cầu của họ.
4. **Vīmaṃsati** = *investigated*: Vị Tỳ-kheo có sự tìm hỏi, suy xét.

5. **Paccāharati** = *reply message*: Vị Tỳ-kheo đem tin trả lời.

Khi năm chi này hội đủ thì cho dù người nam hay người nữ có thành vợ chồng hay không thì vị Tỳ-kheo vẫn phạm vào tội Saṅghādisesa - tăng tàng.

Bài hôm nay Sayadaw đã giảng xong về năm tội **Saṅghādisesa - Tăng tàng**. Hẹn gặp lại tất cả trong bài giảng lần sau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;
Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!